

Số: /2025/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong
dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy định pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 334/TTr-SNNPTNT ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Tờ trình số 85/TTr-SNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần cho từng lô rừng, làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng, xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần

1. Hệ số K:

Hệ số K bằng tích số của 04 (bốn) hệ số K thành phần

$$K = K_1 \times K_2 \times K_3 \times K_4$$

2. Các hệ số K thành phần:

a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Giá trị hệ số K_1 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).

b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Giá trị hệ số K_2 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Đối với diện tích rừng nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng áp dụng theo hệ số K thành phần như rừng sản xuất.

c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng. Giá trị hệ số K_3 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;

d) Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị hệ số K_4 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Các xã khu vực III, II nếu được công nhận đạt

chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

c) Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan; bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trong việc xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn;

- Căn cứ hệ số K, các hệ số K thành phần được quy định tại Quyết định này để chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hằng năm bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định.

d) Tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này cho phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, giám sát Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo các cơ quan tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này; áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong chi trả tiền dịch vụ môi trường bảo đảm hiệu quả, tuân thủ đúng theo quy định.

4. Trách nhiệm của bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập

a) Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

b) Thực hiện giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng; chịu trách nhiệm áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong chi trả tiền cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng đúng theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 3 năm 2025

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TCD, VXNV, công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. HC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Hoàng